

Thành phố Thủ Đức, ngày 19 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2021 – 2022

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1518	542	490	486
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1205 (79,38%)	409 (75,46%)	379 (77,35%)	417 (85,8%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	244 (16,07%)	107 (19,4%)	80 (16,33%)	57 (11,3%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	69 (4,55%)	26 (4,8%)	31 (6,33%)	12 (2,47%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1518	542	490	486
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	223 (14,69%)	33 (6,09%)	70 (14,29%)	120 (24,69%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	817 (53,82%)	269 (49,63%)	262 (53,47%)	286 (58,85%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	459 (30,23%)	232 (42,80%)	151 (30,81%)	76 (15,64%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	16 (1,05%)	6 (1,10%)	6 (1,22%)	4 (0,82%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0,2%)	2 (0,37%)	1 (0,2%)	0 (0,00%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1518	542	490	486
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1499 (98,74%)	534 (98,52%)	483 (98,57%)	482 (99,18%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	223 (14,69%)	33 (6,09%)	70 (14,29%)	120 (24,69%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	244 (16,07%)	107 (19,4%)	80 (16,33%)	57 (11,3%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	42 (2,76%)	28 (1,84%)	14 (0,92%)	0 (0,00%)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	19 (1,25%)	8 (1,47%)	7 (1,42%)	4 (0,82%)
4	Chuyển trường đến	11 0,72	3 0,55	6 1,22	2 0,41



STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
	đi (tỷ lệ so với tổng số)	24 1,58	10 1,85	9 1,84	5 1,03
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0,00%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	47 (3,1 %)	23 (4,24 %)	13 (0,03 %)	11 (0,02 %)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	7	7	0	0
1	Cấp tỉnh/thành phố	7 (0,46%)	7 (1,44%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0 (0,00%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	486 (100%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)	486 (100%)
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	482 (99,18%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)	482 (99,18%)
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	Không			
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	Không			
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	Không			
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	107 (22,02%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)	107 (22,02%)
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	379 (77,98%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)	379 (77,98%)
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	772/746	290/252	253/237	229/257
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	28	11	3	14

Nơi nhận:

- Đưa trang web trường (để công khai);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



 TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THỦ THIÊM

 Nguyễn Tấn Tài

